



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

0 NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 45
8. Phụ lục	46

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (84-780) 3.831.608
Fax : (84-780) 3.836.257
E_mail : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimex.com.vn
Mã số thuế : 2000103908

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	Áp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần Lâm Ngự Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2013
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Nguyễn An Ninh-Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 02/CMX.HĐQT/UQ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 29 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 096CT/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.2 “Các khoản đầu tư tài chính”, khoản chênh lệch tăng khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào Công ty con - Công ty TNHH thủy sản Camimex tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm từ 84.123.499.213 VND (số liệu này Công ty đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013) xuống còn 57.454.719.291 VND, giảm 26.668.779.922 VND, chưa tính đến việc tăng thêm số tiền thuê đất phải nộp đối với thửa đất thứ 1 khi làm thủ tục thuê đất dài hạn trả tiền thuê 01 lần. Năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản chênh lệch 17.809.111.122 VND, phần chênh lệch còn lại là 8.859.668.800 VND Công ty chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (xem thuyết minh số V.2 “Các khoản đầu tư tài chính”).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Bé Ghí - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		645.952.843.837	495.542.130.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.551.236.453	4.319.012.577
1. Tiền	111		4.551.236.453	4.319.012.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.369.125.342	156.311.327.208
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	309.028.960.728	153.121.403.017
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.690.609.637	9.102.211.329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.938.283.892	8.770.431.821
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(15.288.728.915)	(14.682.718.959)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	312.396.852.807	310.179.006.117
1. Hàng tồn kho	141		331.458.119.977	339.351.669.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.061.267.170)	(29.172.663.595)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.635.629.235	24.732.784.974
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.438.786.199	1.724.062.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	16.196.843.036	23.008.722.313
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		374.133.316.562	372.671.041.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.246.621.200	132.371.200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.246.621.200	132.371.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.403.062.217	5.359.929.818
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.660.599.371	2.103.425.867
- Nguyên giá	222		2.214.132.492	2.214.132.492
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(553.533.121)	(110.706.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.742.462.846	3.256.503.951
- Nguyên giá	228		8.704.573.762	8.704.573.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.962.110.916)	(5.448.069.811)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.746.111.492	14.431.219.038
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	15.746.111.492	14.431.219.038
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		352.737.521.653	352.737.521.653
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	352.737.521.653	352.737.521.653
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	10.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	-	10.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.020.086.160.399	868.213.172.585

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		860.225.858.606	716.892.082.497
I. Nợ ngắn hạn	310		859.677.418.016	716.407.876.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	450.857.924.970	313.649.212.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.777.335.157	7.485.085.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.852.424.545	19.064.989.406
4. Phải trả người lao động	314	V.15	676.005.647	719.581.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.041.133.080	787.636.538
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	18.386.662.147	22.651.911.898
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	365.070.880.554	351.034.407.778
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		548.440.590	484.205.821
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	98.440.590	34.205.821
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.860.301.794	151.321.090.088
I. Vốn chủ sở hữu	410		159.860.301.794	151.321.090.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	25.652.737.958	17.113.526.252
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.785.469.576	17.113.526.252
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.867.268.382	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.020.086.160.399	868.213.172.585

Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	862.591.216.276	756.728.580.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	746.995.144	499.097.659
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		861.844.221.132	756.229.482.520
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	799.463.393.783	695.086.442.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.380.827.349	61.143.040.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.911.093.533	4.434.713.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.994.819.853	25.199.270.088
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.014.687.862	14.893.160.927
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.679.244.620	26.519.418.158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.406.138.395	10.487.349.950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.211.718.014	3.371.716.075
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.260.984.537	9.578.975.691
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.878.781.217	5.539.939.398
13. Lợi nhuận khác	40		(1.617.796.680)	4.039.036.293
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.593.921.334	7.410.752.368
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.662.418.184	2.362.435.842
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	64.234.769	16.568.080
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.867.268.382</u>	<u>5.031.748.446</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-


Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2017


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.593.921.334	7.410.752.368
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	956.867.601	624.747.730
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	(9.505.386.469)	(134.178.847.621)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(762.120.697)	(384.415.071)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.8	-	(7.953.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	16.014.687.862	14.893.160.927
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.297.969.631	(119.587.601.667)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(148.695.279.467)	(118.928.549.058)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.893.549.735	162.209.222.043
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		126.317.153.838	126.632.123.692
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.000.000	475.389.485
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.761.191.320)	(17.257.355.011)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(1.328.056.676)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.265.854.259)	33.543.229.484
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(1.314.892.454)	(2.214.132.492)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.314.892.454)	(2.214.132.492)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	747.002.198.906	819.470.643.718		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(732.965.726.130)	(849.815.399.787)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.036.472.776	(30.344.756.069)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		233.440.865	984.340.923		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.319.012.577	3.350.658.836		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.216.989)	(15.987.182)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.551.236.453	4.319.012.577		

Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2017



Lữ Hồng Lam
Người lập



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang là công ty con của Công ty, chính thức giải thể theo Công văn số 4718/16 ngày 15/4/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang và cũng từ ngày này Công ty có thêm một chi nhánh là chi nhánh Camimex – Kiên Giang. Do đó, khoản lỗ lũy kế 1.328.056.676 VND của Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang, trong năm Công ty đã tiếp nhận và xử lý.

Trong năm, Công ty có xuất hàng bán cho Công ty con là Công ty TNHH Thủy sản Camimex với doanh thu theo sổ sách là 574.842.194.629 VND (chiếm 72%/tổng doanh thu bán hàng) và có chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa Camimex cho Công ty TNHH Thủy sản Camimex về các sản phẩm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 01-2016/HĐCNNH ngày 12/9/2016 và số 02-2016/HĐCNNH ngày 07/12/2016 với tổng giá trị 62.907.674.178 VND, việc chuyển nhượng này làm phát sinh khoản lãi gộp 62.786.765.087 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang	Khu đô thị Đồng Hòa, ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Giải thể ngày 15 tháng 4 năm 2016	-	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống	100%	100%	100%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 120 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí kiện chống bán phá giá. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	796.584.383	1.351.342.353
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.754.652.070	2.967.670.224
Cộng	4.551.236.453	4.319.012.577

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>352.737.521.653</i>	<i>-</i>	<i>352.737.521.653</i>	<i>344.784.521.653</i>	<i>-</i>	<i>344.784.521.653</i>
Công ty TNHH Thủy sản Camimex ⁽ⁱ⁾	344.784.521.653	-	344.784.521.653	344.784.521.653	-	344.784.521.653
Công ty TNHH MTV Sản xuất tôm giống sinh thái -Camimex ⁽ⁱⁱ⁾	7.953.000.000	-	7.953.000.000	7.953.000.000	-	7.953.000.000
Cộng	352.737.521.653	-	352.737.521.653	352.737.521.653	-	352.737.521.653

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cà Mau cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Camimex 354.450.000.000 VND, tương đương 99,99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 344.784.521.653 VND, tương đương 97,26% vốn điều lệ. Số vốn còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Camimex là 9.665.478.347 VND.

Theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Hội đồng định giá tài sản góp vốn, Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (Công ty mẹ) góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH Thủy sản Camimex (Công ty con) với tổng số tiền là 344.784.521.653 VND, trong đó:

- Tài sản hữu hình: 161.800.319.202 VND
- Tài sản vô hình: 98.279.988.668 VND
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang: 72.117.517.142 VND
- Vật tư, công cụ dụng cụ, bao bì: 12.586.696.641 VND

Trong số tài sản vô hình góp vốn có giá trị quyền sử dụng đất với chi tiết cụ thể như sau:

TT	Quyền sử dụng đất	ĐVT	Diện tích	Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp NN	Tiền sử dụng đất đánh giá lại	Chênh lệch
1	Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt, phường 06, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m2	25.448,50	11.616.604.038	48.632.084.000	37.015.479.963
2	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 08, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m2	8.378	628.350.000	26.105.848.000	25.477.498.000
3	Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 08, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m2	18.135	1.564.143.750	23.194.665.000	21.630.521.250
	Cộng			13.809.097.788	97.932.597.000	84.123.499.213

Đối với thửa đất thứ 1: diện tích 25.488,5 m2 đây là phần đất thuộc Xí nghiệp 5 hiện Công ty được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm theo Quyết định số 37/QĐ-CTUB ngày 21/5/2003 và Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh Cà Mau và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2011. Thửa đất này hiện nay Nhà nước không thực hiện thủ tục giao đất thu tiền sử dụng đất mà chỉ cho thuê đất. Công ty dự kiến trong năm 2016 sẽ thực hiện thủ tục thuê đất dài hạn thanh toán tiền thuê 01 lần. Hiện tại, Công ty vẫn chưa có thông tin về tiền thuê đất phải nộp 01 lần đối với thửa đất này, vì vậy tiền thuê đất phải nộp vẫn còn tạm tính theo số tiền là 11.616.604.038 VND. Dự kiến trong năm 2017, khi Công ty làm thủ tục thuê đất dài hạn trả tiền thuê 01 lần thì số tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước sẽ cao hơn mức này.

Đối với thửa đất thứ 2: diện tích 8.378 m2 đây là phần đất thuộc Xí nghiệp 4 đã được UBND tỉnh Cà Mau giao đất theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 23/4/2014. Tuy nhiên, diện tích đất giao theo QĐ 66 chỉ có 6.734 m2, phần đất có diện tích 1.340 m2 còn lại thuộc đất quy hoạch hạ tầng đô thị. Đối với diện tích đất 6.734 m2 Cục thuế Cà Mau đã có thông báo nộp tiền sử dụng đất số

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1539/TB-CT ngày 05/6/2015 với tiền sử dụng đất phải nộp khi được Nhà nước giao đất là 5.987.326.464 VND. Trong năm 2016 Công ty đã nộp khoản tiền sử dụng đất này và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với thửa đất thứ 3: diện tích 18.135 m² đây là phần đất thuộc Xí nghiệp 2 và Văn phòng công ty đã được UBND tỉnh Cà Mau giao đất theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 và được Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/8/2015 sau khi Công ty đã nộp 13.650.513.408 VND tiền sử dụng đất cho Nhà nước. Tuy nhiên, diện tích đất giao theo Quyết định 65 chỉ có 14.928,80 m² đất, phần đất có diện tích 1.344,9 m² thuộc đất quy hoạch khu dân cư Công ty được UBND tỉnh tạm giao để quản lý, sử dụng trong thời gian chờ cơ quan chức năng xem xét điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết và sau khi hoàn thành điều chỉnh quy hoạch Công ty phải tiến hành lập thủ tục thuê đất theo quy định.

Như vậy, so với diện tích đất và giá trị đất được đánh giá lại khi góp vốn vào Công ty con tại thời điểm ngày 30/6/2013 thì có sự thay đổi như sau:

TT	Quyền sử dụng đất	ĐVT	Diện tích	Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp NN	Tiền sử dụng đất đánh giá lại	Chênh lệch
1	Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt, phường 06, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m ²	25.448,50	11.616.604.037	48.632.084.000	37.015.479.963
2	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 08, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m ²	6.734	5.987.326.464	20.983.144.000	14.995.817.536
3	Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 08, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	m ²	14.928,80	13.650.513.408	19.093.935.200	5.443.421.792
	Cộng			31.254.443.909	88.709.163.200	57.454.719.291

Do vậy, khoản chênh lệch tăng khi góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào Công ty con tại ngày 30/6/2013 sẽ giảm từ 84.123.499.213 VND xuống còn 57.454.719.291 VND, giảm 26.668.779.922 VND, chưa tính đến việc tăng thêm số tiền thuê đất phải nộp đối với thửa đất thứ 1 khi làm thủ tục thuê đất dài hạn trả tiền thuê 01 lần.

Năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chênh lệch 17.809.111.122 VND, chênh lệch còn lại là 8.859.668.800 VND, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh hồi tố bổ sung trong năm 2017.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.953.000.000 VND, tương đương 79,53% vốn điều lệ. Số vốn còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex là 2.047.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

Tập đoàn đã chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang để chuyển sang hoạt động dưới hình thức Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau. Theo Thông báo số 4718/16 ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang thì Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang đã chính thức giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty con này.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thủy sản Camimex		
Doanh thu bán hàng	574.842.194.629	399.487.372.835
Mua hàng	609.135.304.332	477.695.072.999
Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	62.907.674.178	-
Mượn tiền	54.760.220.063	80.085.705.254
Trả tiền mượn	18.030.000.000	20.954.544.613
Giao gia công hàng thủy sản	156.009.681.998	139.083.973.394
Công ty TNHH MTV Sản xuất tôm giống sinh thái Camimex		
Mua tôm giống	-	36.000.000
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	-	7.565.398.557
Góp vốn bằng công cụ, dụng cụ	-	387.601.443
Chi hỗ trợ chi phí từ nguồn quỹ 5% tôm sinh thái	-	522.721.215
Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang		
Kết chuyển lỗ, xử lý công nợ	1.328.056.676	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	281.461.597.480	87.930.006.328
Công ty TNHH Thủy sản Camimex	281.461.597.480	87.930.006.328
Phải thu các khách hàng khác	27.567.363.248	65.191.396.689
MAZZETTA	11.252.655.255	11.084.778.872
CMC Seafood Corporation	9.749.961.798	-
Công ty TNHH Thủy sản Nam Cà Mau	18.345.590	33.742.513.562
Các khách hàng khác	6.546.400.605	20.364.104.255
Cộng	309.028.960.728	153.121.403.017

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
CMC Seafood Corporation	2.949.450.000	1.609.350.000
Công ty Cổ phần Thủy Sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Công nghệ Đức Duy	2.298.000.000	2.298.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.143.159.637	3.894.861.329
Cộng	10.690.609.637	9.102.211.329

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	2.193.575.679	-
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang - tiền chi hộ	-	-	2.193.575.679	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.938.283.892	-	6.576.856.142	-
Phải thu khác	1.732.654.059	(511.500.129)	1.402.025.134	(511.500.129)
Tạm ứng nhân viên	3.592.427.314	-	4.429.659.144	-
Dự án nuôi tôm Kiên Giang	613.202.519	-	745.171.864	-
Cộng	5.938.283.892	(511.500.129)	8.770.431.821	(511.500.129)

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.246.621.200	-	132.371.200	-
Cộng	1.246.621.200	-	132.371.200	-

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Mazzetta		15.288.728.915	-		14.682.718.959	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 3 năm</i>	11.252.655.255	-	<i>Trên 3 năm</i>	11.084.778.872	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		4.036.073.660	-		3.597.940.087	-
<i>Phải thu tiền</i>	<i>Trên 3 năm</i>	1.091.039.491	-	<i>Trên 3 năm</i>	1.075.152.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>bán hàng</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>511.500.129</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>511.500.129</i>
<i>Trả trước người bán</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>2.433.534.040</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>2.011.287.140</i>
Cộng		15.288.728.915		14.682.718.959

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.682.718.959	13.300.817.831
Trích lập dự phòng bổ sung	606.009.956	1.381.901.128
Số cuối năm	15.288.728.915	14.682.718.959

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	111.998.238	-	111.998.238	-
Thành phẩm	331.333.265.483(19.061.267.170)	-	339.226.815.218(29.172.663.595)	-
Hàng hóa	12.856.256	-	12.856.256	-
Cộng	331.458.119.977(19.061.267.170)	-	339.351.669.712(29.172.663.595)	-

Tất cả thành phẩm tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.172.663.595	164.733.412.344
Trích lập dự phòng bổ sung	-	14.552.377.874
Hoàn nhập dự phòng	(10.111.396.425)	(150.113.126.623)
Số cuối năm	19.061.267.170	29.172.663.595

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà	-	10.000.000
Cộng	-	10.000.000

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.214.132.492	2.214.132.492
Số cuối năm	2.214.132.492	2.214.132.492

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Cộng</u>
Chờ thanh lý	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	110.706.625	110.706.625
Khấu hao trong năm	442.826.496	442.826.496
Số cuối năm	553.533.121	553.533.121
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.103.425.867	2.103.425.867
Số cuối năm	1.660.599.371	1.660.599.371
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	8.704.573.762
Số cuối năm	8.704.573.762
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.045.680.607
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	5.448.069.811
Khấu hao trong năm	514.041.105
Số cuối năm	5.962.110.916
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.256.503.951
Số cuối năm	2.742.462.846
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.742.462.846 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.332.830.081	-	-	1.332.830.081
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang ⁽¹⁾	1.284.004.913	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác ⁽¹⁾	48.825.168	-	-	48.825.168
Xây dựng cơ bản dở dang	13.098.388.957	1.314.892.454	-	14.413.281.411

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xi nghiệp 5⁽ⁱⁱ⁾</i>	8.371.614.714	1.314.892.454	-	9.686.507.168
<i>Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang⁽ⁱ⁾</i>	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
<i>Khu nhà ở nuôi tôm⁽ⁱ⁾</i>	596.852.000	-	-	596.852.000
Cộng	14.431.219.038	1.314.892.454	-	15.746.111.492

- (i) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án nuôi tôm Chi nhánh Camimex Kiên Giang, nhưng do hiện còn ảnh hưởng tình hình của Công ty TNHH MTV Camimex Kiên Giang vừa mới giải thể nên các tài sản này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển về Công ty.
- (ii) Công ty đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 9.686.507.168 VND (số đầu năm là 8.371.614.714 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	444.076.804.896	272.735.749.081
Công ty TNHH Thủy sản Camimex	444.076.804.896	271.870.230.078
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	-	865.519.003
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.781.120.074	40.913.463.279
Các nhà cung cấp khác	6.781.120.074	40.913.463.279
Cộng	450.857.924.970	313.649.212.360

12a. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhất Việt	269.568.382	269.568.382
Công ty TNHH Đại Thịnh	272.000.000	272.000.000
Tôm sinh thái	996.122.160	996.122.160
Các nhà cung cấp khác	897.404.573	967.596.773
Cộng	2.435.095.115	2.505.287.315

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Coop, Basel	7.252.877.078	7.252.877.078
Các khách hàng khác	524.458.079	232.208.204
Cộng	7.777.335.157	7.485.085.282

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.593.921.334	7.410.752.368
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.702.575.481	8.928.294.082
- Các khoản điều chỉnh giảm	(984.405.895)	(392.619.914)
Thu nhập chịu thuế	13.312.090.920	15.946.426.536
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	13.312.090.920	15.946.426.536
Thu nhập từ hoạt động ưu đãi (thuế suất 10%)	(49.474.674.167)	15.946.426.536
Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%)	62.786.765.087	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.662.418.184	1.594.642.654
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	767.793.188
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.662.418.184	2.362.435.842

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp thuế nhà đất và tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	67.087.860	65.061.484
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau – lãi vay phải trả	67.087.860	65.061.484
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	974.045.220	722.575.054
Chi phí lãi vay phải trả	974.045.220	722.575.054
Cộng	1.041.133.080	787.636.538

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	78.761.998	257.261.998
Bùi Đức Cường - Phải trả khác	-	35.000.000
Nguyễn An Ninh - Phải trả khác	78.761.998	113.761.998
Bùi Sĩ Tuấn - Phải trả khác	-	42.000.000
Nguyễn Hoàng Nam - Phải trả khác	-	35.000.000
Đặng Ngọc Sơn - Phải trả khác	-	31.500.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.307.900.149	22.394.649.900
Kinh phí công đoàn	2.153.118.303	2.142.723.019
Bảo hiểm xã hội	270.661.032	4.520.880.020
Bảo hiểm y tế	28.567.630	1.742.020.412
Bảo hiểm thất nghiệp	9.522.544	591.307.801
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.461.205.422	3.012.893.430
Cộng	18.386.662.147	22.651.911.898

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	450.000.000	450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	450.000.000
Cộng	450.000.000	450.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.962.036.632</i>	<i>20.714.002.549</i>
Kinh phí công đoàn ⁽ⁱ⁾	2.153.118.303	2.142.723.019
Bảo hiểm xã hội	270.661.032	4.520.880.020
Bảo hiểm y tế	28.567.630	1.742.020.412
Bảo hiểm thất nghiệp	9.522.544	591.307.801
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Các đối tượng khác ⁽ⁱⁱ⁾	115.341.905	1.332.246.079
Cộng	<u>12.962.036.632</u>	<u>20.714.002.549</u>

- (i) Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.
- (ii) Trong đó, khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa 20.580.000 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.

18. Vay và nợ**18a. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>163.847.174.300</i>	<i>129.184.187.437</i>
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	32.116.480.000	34.183.713.200
Công ty TNHH Thủy sản Camimex – Tiền mượn không lãi suất	131.730.694.300	95.000.474.237
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>201.223.706.254</i>	<i>221.850.220.341</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	187.592.909.042	207.291.965.252
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	187.592.909.042	204.857.645.252
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	2.434.320.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	100.000.000	100.000.000
Châu Thị Hoàng Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.000.000	100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	13.530.797.212	14.458.255.089
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	1.313.746.193
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải ^(iv)	13.530.797.212	13.144.508.896
Cộng	<u>365.070.880.554</u>	<u>351.034.407.778</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 37.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng và các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ (xem thuyết minh V.3 và V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.10, V.11) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (iii) Khoản tiền mượn Bà Châu Thị Hoàng Hà không lãi suất để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải bằng nguồn vốn ODA để đầu tư mới phân xưởng sản xuất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	241.475.678.452	669.816.687.723	(691.751.827.853)	168.850.720	219.709.389.042
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	95.000.474.237	54.760.220.063	(18.030.000.000)	-	131.730.694.300
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	22.101.152.000	(22.101.152.000)	-	100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.458.255.089	-	(980.892.355)	53.434.478	13.530.797.212
Cộng	351.034.407.778	746.678.059.786	(732.863.872.208)	222.285.198	365.070.880.554

18b. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>
<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>13.530.797.212</i>	<i>1.514.159.818</i>	<i>15.044.957.030</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>
Vay	13.530.797.212	1.514.159.818	15.044.957.030	13.144.508.896	1.352.087.428	14.496.596.324
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải (i)</i>	<i>13.530.797.212</i>	<i>1.514.159.818</i>	<i>15.044.957.030</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>
Cộng	13.530.797.212	1.514.159.818	15.044.957.030	13.144.508.896	1.352.087.428	14.496.596.324

- (i) Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	513.225.065	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	107.025.472
Cộng	1.015.051.916	1.015.051.916

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	34.205.821	27.750.081
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	64.234.769	6.455.740
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-
Số cuối năm	<u>98.440.590</u>	<u>34.205.821</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% (năm trước thuế suất là 10%).

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	12.081.777.806	146.289.341.642
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.031.748.446	5.031.748.446
Số dư cuối năm trước	<u>132.212.340.000</u>	<u>1.995.223.836</u>	<u>17.113.526.252</u>	<u>151.321.090.088</u>
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	17.113.526.252	151.321.090.088
Xử lý lỗ, công nợ Camimex Kiên Giang	-	-	(1.328.056.676)	(1.328.056.676)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	9.867.268.382	9.867.268.382
Số dư cuối năm nay	<u>132.212.340.000</u>	<u>1.995.223.836</u>	<u>25.652.737.958</u>	<u>159.860.301.794</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	138.465,10	114.801,70
Euro (EUR)	19,66	19,66

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	799.683.542.098	756.728.580.179
Doanh thu chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	62.907.674.178	-
Cộng	<u>862.591.216.276</u>	<u>756.728.580.179</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	737.551.144	480.854.059
Hàng bán bị trả lại	9.444.000	18.243.600
Cộng	<u>746.995.144</u>	<u>499.097.659</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	809.574.790.208	830.647.190.749
Hoàng nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.111.396.425)	(135.560.748.749)
Cộng	<u>799.463.393.783</u>	<u>695.086.442.000</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.569.402	10.673.486
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.143.403.434	4.039.625.194
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	762.120.697	384.415.071
Cộng	<u>3.911.093.533</u>	<u>4.434.713.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.014.687.862	14.893.160.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.980.131.991	10.306.109.161
Cộng	<u>19.994.819.853</u>	<u>25.199.270.088</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.256.844.498	3.095.959.345
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	6.740.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	712.078.668	379.958.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.089.390.082	14.570.168.320
Các chi phí khác	4.620.931.372	8.466.591.279
Cộng	<u>22.679.244.620</u>	<u>26.519.418.158</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.055.436.742	5.721.783.378
Chi phí vật liệu quản lý	-	227.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.000.003	30.954.262
Thuế, phí và lệ phí	519.915.041	119.451.636
Dự phòng phải thu khó đòi	606.009.956	1.381.901.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.513.909	52.172.139
Các chi phí khác	2.116.262.744	3.180.860.134
Cộng	<u>9.406.138.395</u>	<u>10.487.349.950</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập do tăng tài sản bất thường	-	7.953.000.000
Thu từ nhận hỗ trợ và giảm giá hàng nhập khẩu do hàng kém chất lượng	-	1.218.766.853
Thu nhập do nhập kho thừa so với hóa đơn	-	272.357.642
Thu nhập từ xử lý các khoản nợ không phải trả	1.216.904.174	-
Thu nhập khác	44.080.363	134.851.196
Cộng	<u>1.260.984.537</u>	<u>9.578.975.691</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuê luật sư cho POR9	-	128.340.000
Chi phí khấu hao tài sản nuôi tôm Kiên Giang	244.788.933	244.788.933
Thuế bị phạt, bị truy thu	999.049.088	2.723.797.695
Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang	1.338.089.718	511.020.615
Tiền thuê và thuế đất cho phần đất đã góp vốn	206.518.000	1.361.423.929
Tiền án phí và thi hành án	50.000.000	285.647.831
Chi phí khác	40.335.478	284.920.395
Cộng	<u>2.878.781.217</u>	<u>5.539.939.398</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	98.440.590	11.919.931
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	10.112.340
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(34.205.821)	(5.464.191)
Cộng	<u>64.234.769</u>	<u>16.568.080</u>

11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	645.662.720.203	530.705.853.212
Chi phí nhân công	9.312.281.240	8.817.742.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	956.867.601	624.747.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.736.339.305	14.741.792.095
Chi phí khác	7.343.204.072	152.136.259.536
Cộng	<u>834.011.412.421</u>	<u>707.026.395.296</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Mượn tiền không tính lãi	21.200.000.000	34.190.000.000
Trả tiền mượn	(21.200.000.000)	(34.190.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cho mượn tiền không tính lãi	-	(2.500.000.000)
Thu lại tiền cho mượn	-	2.500.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	672.348.720	943.360.910
Phụ cấp, thù lao	120.000.000	120.000.000
Cộng	792.348.720	1.063.360.910

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH Thủy sản Camimex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex	Công ty con
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau	Cổ đông sáng lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với số tiền là 68.162.392.800 VND (năm trước là 34.365.957.500 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	671.904.890.529	450.810.038.029
Nước ngoài	189.939.330.603	305.419.444.491
Cộng	<u>861.844.221.132</u>	<u>756.229.482.520</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
đương tiền	4.551.236.453				4.551.236.453
Phải thu khách hàng	296.685.265.982	-	-	12.343.694.746	309.028.960.728
Các khoản phải thu khác	2.467.775.130	-	-	511.500.129	2.979.275.259
Cộng	303.704.277.565	-	-	12.855.194.875	316.559.472.440
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.319.012.577	-	-	-	4.319.012.577
Phải thu khách hàng	140.961.471.327	-	-	12.159.931.690	153.121.403.017
Các khoản phải thu khác	3.216.471.884	-	-	511.500.129	3.727.972.013
Cộng	148.496.955.788	-	-	12.671.431.819	161.168.387.607

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	450.552.353.182	-	-	375.140.308.256
Vay và nợ	365.070.880.554	-	-	352.576.632.980
Các khoản phải trả khác	16.385.010.258	450.000.000	-	16.835.010.258
Cộng	832.008.243.994	450.000.000	-	832.458.243.994
Số đầu năm				
Phải trả người bán	313.649.212.360	-	-	313.649.212.360
Vay và nợ	351.034.407.778	-	-	351.034.407.778
Các khoản phải trả khác	14.221.203.935	450.000.000	-	14.671.203.935
Cộng	678.904.824.073	450.000.000	-	679.354.824.073

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.465,10	19,66	114.801,70	19,66
Phải thu khách hàng	603.979,34	-	1.345.090,66	-
Vay và nợ	(4.286.574,42)	-	(4.798.943,66)	-
Phải trả người bán	(1.073,44)	-	(1.073,44)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(3.545.203,42)	19,66	(3.340.124,74)	19,66

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.449.974.058 VND (năm trước giảm/tăng 1.355.155.410 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	<u>(135.520.995.222)</u>	<u>(4.286.574,42)</u>	<u>(147.765.743.445)</u>	<u>(4.798.943,66)</u>
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(135.520.995.222)</u>	<u>(4.286.574,42)</u>	<u>(147.765.743.445)</u>	<u>(4.798.943,66)</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.710.419.904 VND (năm trước giảm/tăng 2.955.314.869 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 973.955.440 VND (năm trước giảm/tăng 1.081.681.901 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 309.028.960.728 VND (số đầu năm là 153.121.403.017 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.551.236.453	-	4.319.012.577	-	4.551.236.453	4.319.012.577
Phải thu khách hàng	309.028.960.728	(12.343.694.746)	153.121.403.017	(12.159.931.690)	296.685.265.982	140.961.471.327
Các khoản phải thu khác	2.979.275.259	(511.500.129)	3.727.972.013	(511.500.129)	2.467.775.130	3.216.471.884
Cộng¹	<u>316.559.472.440</u>	<u>(12.855.194.875)</u>	<u>161.168.387.607</u>	<u>(12.671.431.819)</u>	<u>303.704.277.565</u>	<u>148.496.955.788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	450.552.353.182	313.649.212.360	450.552.353.182	313.649.212.360
Vay và nợ	365.070.880.554	351.034.407.778	365.070.880.554	351.034.407.778
Các khoản phải trả khác	16.835.010.258	14.671.203.935	16.835.010.258	14.671.203.935
Cộng	832.458.243.994	679.354.824.073	832.458.243.994	679.354.824.073

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 213.724.574.179 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau và các công ty khác trong cùng Tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu và hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và tài sản cố định cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

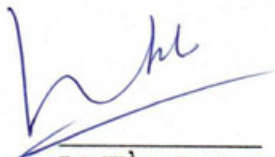
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

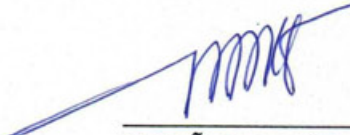
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2017



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Hoàn thuế/(Bù trừ thuế)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	4.435.846.295	(3.257.923.110)	-	1.177.923.185	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.680.324.228	-	(1.000.000.000)	5.483.481.192	-	16.196.843.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.328.398.085	2.662.418.184	-	106.315.143	440.335.242	-
Thuế thu nhập cá nhân	452.339.371	-	274.508.528	(7.128.938)	-	719.718.961	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18.465.157.582	-	453.945.853	(5.364.210.076)	(1.078.148.074)	12.476.745.285	-
Các loại thuế khác	106.315.143	-	3.000.000	(3.000.000)	(106.315.143)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.177.310	-	60.369.188	(63.844.626)	-	37.701.872	-
Cộng	19.064.989.406	23.008.722.313	7.890.088.048	(9.696.106.750)	4.405.333.118	14.852.424.545	16.196.843.036

Đơn vị tính: VND

TP. Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2017



(Signature)

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc